

Bản án số: 259/2019/DS-ST
Ngày: 29/11/2019
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Thành**

2. Ông **Nguyễn Văn Tám**

* Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Liêu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

* Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Ông **Nguyễn Thanh Bình** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 328/2019/TLST-DS ngày 05/9/2019 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 179/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Bà **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

* **Bị đơn**:

1. Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1983.

2. Chị **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

(Bà T có mặt; Anh T1, chị K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:* Vào năm 2018, vợ chồng anh T1, chị K có tham gia chơi 03 dây hụi do bà làm đầu thảo, cụ thể như sau:

- Dây 1: Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, khai vào ngày 09/02/2018 âm lịch, có 21 phần, một tháng khai 01 lần, vợ chồng anh T1, chị K tham gia 01 phần, hụi mãi vào ngày 09/10/2019 âm lịch (*tức là 05/11/2019 dương lịch*). Đến kỳ thứ tư vào ngày 09/5/2018 âm lịch thì anh T1, chị K trúng thăm hốt hụi với số tiền là 14.900.000 đồng, trừ tiền huê hồng là 500.000 đồng nên bà đã giao 14.400.000 đồng tiền vợ chồng anh T1, chị K theo đúng thỏa thuận. Khi nhận tiền hốt hụi chị K có lập giấy thể hiện đã nhận tiền hụi và hai vợ chồng anh T1, chị K cùng ký tên ghi rõ họ tên của mình vào văn bản này. Sau khi hốt hụi, vợ chồng anh T1, chị K có đóng lại 05 kỳ với số tiền là 5.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay; vợ chồng anh T1, chị K còn nợ lại 12 kỳ hụi chết với số tiền là 12.000.000 đồng.

- Dây 2: Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, khai vào ngày 29/01/2018 âm lịch, có 22 phần, một tháng khai 01 lần, vợ chồng anh T1, chị K tham gia 01 phần, hụi mãi vào ngày 29/10/2019 âm lịch (*tức là 25/11/2019 dương lịch*). Đến kỳ thứ chín vào ngày 29/9/2018 âm lịch thì anh T1, chị K trúng thăm hốt hụi với số tiền là 17.750.000 đồng, trừ tiền huê hồng là 500.000 đồng nên bà đã giao 17.250.000 đồng tiền vợ chồng anh T1, chị K theo đúng thỏa thuận. Khi nhận tiền hốt hụi anh T1 có lập giấy thể hiện đã nhận tiền hụi và có ký tên ghi rõ họ tên của mình vào văn bản này. Sau khi hốt hụi, vợ chồng anh T1, chị K có đóng lại 02 kỳ với số tiền là 2.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay; vợ chồng anh T1, chị K còn nợ lại 11 kỳ hụi chết với số tiền là 11.000.000 đồng.

- Dây 3: Dây hụi tháng 500.000 đồng, khai vào ngày 29/5/2018 âm lịch, có 25 phần, một tháng khai 01 lần, vợ chồng anh T1, chị K tham gia 01 phần, hụi mãi vào ngày 29/5/2020 âm lịch (*tức là 29/4/2020 lần hai do âm lịch năm 2020 nhuận 02 tháng tư, quy đổi ra dương lịch là ngày 20/6/2020*). Ngay kỳ khai hụi lần đầu, anh T1, chị K trúng thăm hốt hụi với số tiền là 8.400.000 đồng, trừ tiền huê hồng là 250.000 đồng nên bà đã giao 8.150.000 đồng tiền vợ chồng anh T1, chị K theo đúng thỏa thuận. Khi nhận tiền hốt hụi anh T1 có lập giấy thể hiện đã nhận tiền hụi và có ký tên ghi rõ họ tên của mình vào văn bản này. Sau khi hốt hụi, vợ chồng anh T1, chị K có đóng lại 09 kỳ với số tiền là 4.500.000 đồng thì ngưng cho đến nay; vợ chồng anh T1, chị K còn nợ lại 15 kỳ hụi chết

với số tiền là 7.500.000 đồng.

Như vậy, vợ chồng anh T1, chị K nợ tiền hụi chết của bà tổng cộng là 30.500.000 đồng. Sau khi ngưng đóng hụi chết được một thời gian thì vợ chồng anh T1, chị K có đóng tiếp 5.000.000 đồng cho bà nên vợ chồng anh T1, chị K còn nợ bà tổng cộng là 25.500.000 đồng. Tuy nhiên, do tính toán bị nhầm lẫn nên khi khởi kiện bà có khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh T1, chị K trả số tiền còn nợ là 26.000.000 đồng.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Thị K hợp lệ và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị đơn Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Thị K vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà Nguyễn Thị Hồng T xin thay đổi yêu cầu khởi kiện thành: yêu cầu vợ chồng anh T1, chị K trả cho bà 25.500.000 đồng (*trong đó yêu cầu bị đơn trả 22.000.000 đồng tiền nợ hụi chết đã đến hạn, một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; yêu cầu bị đơn trả 3.500.000 đồng tiền nợ hụi chết chưa đến hạn tính tại thời điểm xét xử ngày 29/11/2019 dương lịch (đổi sang âm lịch là 04/11/2019) theo kỳ khai hụi của dây hụi tháng 500.000 đồng, khai vào ngày 29/5/2018 âm lịch, mỗi kỳ 500.000 đồng cho đến trả xong nợ*)

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị K: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là tranh chấp “*Hợp đồng góp hui*”. Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

[2] Về tố tụng:

- Quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định pháp luật. Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị K đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh T1 và chị K vắng mặt không có lý do chính đáng, không gì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T1 và chị K trong vụ án này.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh T1, chị K trả cho bà 25.500.000 đồng tiền nợ hui của 03 dây hui do bà T làm đầu thảo (*trong đó yêu cầu bị đơn trả 22.000.000 đồng tiền nợ hui chết đã đến hạn, một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; yêu cầu bị đơn trả 3.500.000 đồng tiền nợ hui chết chưa đến hạn tính tại thời điểm xét xử ngày 29/11/2019 dương lịch (đổi sang âm lịch là 04/11/2019) theo kỳ khai hui của dây hui tháng 500.000 đồng, khai vào ngày 29/5/2018 âm lịch, mỗi kỳ 500.000 đồng cho đến trả xong nợ*):

- Dây 1: Dây hui tháng 1.000.000 đồng, khai vào ngày 09/02/2018 âm lịch, có 21 phần, một tháng khai 01 lần, vợ chồng anh T1, chị K tham gia 01 phần, hui mãn vào ngày 09/10/2019 âm lịch (*tức là 05/11/2019 dương lịch*). Đến kỳ thứ tư vào ngày 09/5/2018 âm lịch thì anh T1, chị K trúng thăm hốt hui với

số tiền là 14.900.000 đồng, trừ tiền huê hồng là 500.000 đồng nên bà đã giao 14.400.000 đồng tiền vợ chồng anh T1, chị K theo đúng thỏa thuận. Khi nhận tiền hốt hụi chị K có lập giấy thể hiện đã nhận tiền hụi và hai vợ chồng anh T1, chị K cùng ký tên ghi rõ họ tên của mình vào văn bản này. Sau khi hốt hụi, vợ chồng anh T1, chị K có đóng lại 05 kỳ với số tiền là 5.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay; vợ chồng anh T1, chị K còn nợ lại 12 kỳ hụi chết với số tiền là 12.000.000 đồng.

- Dây 2: Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, khai vào ngày 29/01/2018 âm lịch, có 22 phần, một tháng khai 01 lần, vợ chồng anh T1, chị K tham gia 01 phần, hụi mãn vào ngày 29/10/2019 âm lịch (*tức là 25/11/2019 dương lịch*). Đến kỳ thứ chín vào ngày 29/9/2018 âm lịch thì anh T1, chị K trúng thăm hốt hụi với số tiền là 17.750.000 đồng, trừ tiền huê hồng là 500.000 đồng nên bà đã giao 17.250.000 đồng tiền vợ chồng anh T1, chị K theo đúng thỏa thuận. Khi nhận tiền hốt hụi anh T1 có lập giấy thể hiện đã nhận tiền hụi và có ký tên ghi rõ họ tên của mình vào văn bản này. Sau khi hốt hụi, vợ chồng anh T1, chị K có đóng lại 02 kỳ với số tiền là 2.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay; vợ chồng anh T1, chị K còn nợ lại 11 kỳ hụi chết với số tiền là 11.000.000 đồng.

- Dây 3: Dây hụi tháng 500.000 đồng, khai vào ngày 29/5/2018 âm lịch, có 25 phần, một tháng khai 01 lần, vợ chồng anh T1, chị K tham gia 01 phần, hụi mãn vào ngày 29/5/2020 âm lịch (*tức là 29/4/2020 lần hai do âm lịch năm 2020 nhuận 02 tháng tư, quy đổi ra dương lịch là ngày 20/6/2020*). Ngay kỳ khai hụi lần đầu, anh T1, chị K trúng thăm hốt hụi với số tiền là 8.400.000 đồng, trừ tiền huê hồng là 250.000 đồng nên bà đã giao 8.150.000 đồng tiền vợ chồng anh T1, chị K theo đúng thỏa thuận. Khi nhận tiền hốt hụi anh T1 có lập giấy thể hiện đã nhận tiền hụi và có ký tên ghi rõ họ tên của mình vào văn bản này. Sau khi hốt hụi, vợ chồng anh T1, chị K có đóng lại 09 kỳ với số tiền là 4.500.000 đồng thì ngưng cho đến nay; vợ chồng anh T1, chị K còn nợ lại 15 kỳ hụi chết với số tiền là 7.500.000 đồng.

Như vậy, vợ chồng anh T1, chị K nợ tiền hụi chết của bà tổng cộng là 30.500.000 đồng. Sau khi ngưng đóng hụi chết được một thời gian thì vợ chồng anh T1, chị K có đóng tiếp 5.000.000 đồng cho bà nên vợ chồng anh T1, chị K còn nợ bà tổng cộng là 25.500.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa bà Nguyễn Thị Hồng T và vợ chồng anh Nguyễn Văn T1, chị Nguyễn Thị K thực tế đã phát sinh ra quan hệ góp hụi với nhau theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự. Điều này, được thể hiện qua

giấy ghi chép thể hiện danh sách các dây hui, các hui viên tham gia và giấy ghi chép thể hiện nội dung nhận tiền hót hui do bà T cung cấp. Bà T xác định giấy ghi chép thể hiện nội dung nhận tiền hui đối với dây hui ngày 29/01/2018 âm lịch và dây hui ngày 29/5/2018 âm lịch đều do anh T1 lập và ký tên, ghi rõ họ tên; còn giấy ghi chép thể hiện nội dung nhận tiền hui đối với dây hui ngày 09/02/2018 âm lịch là do chị K viết và hai vợ chồng anh T1, chị K cùng ký tên, ghi rõ họ tên. Đồng thời, tại biên bản ghi lời khai ngày 30/9/2019 của người làm chứng là bà Lê Thị Kim L, Nguyễn Thị Ngọc H đều xác định vợ chồng anh T1, chị K có tham gia mỗi dây một phần đối với 02 dây hui do bà T làm đầu thảo gồm: Dây hui tháng 1.000.000 đồng khui ngày 09/02/2018 âm lịch, dây hui tháng 1.000.000 đồng khui ngày 29/01/2018 âm lịch. Riêng bà L xác định thêm: Ngoài hai dây hui nêu trên thì vợ chồng anh T1, chị K còn tham gia thêm 01 dây hui tháng 500.000 đồng khui vào ngày 29/5/2018 âm lịch cũng do bà T làm đầu thảo.

Tại phiên tòa bà T xác định anh T1, chị K đã hót hui xong và còn nợ lại bà 25.500.000 đồng. Anh T1, chị K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh T1, chị K đều vắng mặt không có lý do chính đáng trong suốt quá trình tố tụng; anh T1, chị K cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Chứng tỏ, anh T1, chị K có tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện bị đơn không phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của bà T nên xem như anh T1, chị K thừa nhận việc anh, chị có tham gia góp hui do bà T làm chủ hui và còn nợ lại bà T 25.500.000 đồng đến nay chưa trả.

Cho nên, yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ để chấp nhận và Toà án có đủ cơ sở buộc anh T1, chị K chịu trách nhiệm trả số tiền nợ hui 25.500.000 đồng cho bà T theo quy định tại Điều 20; Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường.

Tuy nhiên, tính đến thời điểm xét xử (*ngày 29/11/2019*) thì các dây hui khui ngày 29/01/2018 âm lịch và dây hui khui ngày 09/02/2018 âm lịch đã mãn, còn dây hui khui ngày 29/5/2018 âm lịch chưa mãn, còn 07 kỳ, mỗi kỳ đóng 500.000 đồng chưa đến hạn. Do đó, thời hạn trả nợ đối với số tiền nợ hui đã đến kỳ đóng tiền hui chết hoặc hui mãn, anh T1, chị K phải trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Còn đối với số tiền nợ hui chưa đến kỳ đóng tiền hui chết (*dây hui chưa mãn*), anh T1, chị K phải trả tiền theo kỳ hui.

+ Ngày 22/02/2020 (tức 29/01/2020 âm lịch), trả 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng)

+ Ngày 22/03/2020 (tức 29/02/2020 âm lịch), trả 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng)

+ Ngày 21/04/2020 (tức 29/03/2020 âm lịch), trả 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng)

+ Ngày 21/05/2020 (tức 29/04/2020 âm lịch lần 1), trả 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng)

+ Ngày 20/6/2020 (tức 29/04/2020 âm lịch lần 2, tức là tháng 29/5/2020 theo thỏa thuận chơi hụi do lịch âm năm 2020 nhuận 2 tháng tư), trả 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng)

Nếu ngày trả theo các kỳ nêu trên trùng với ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của Bộ luật Lao động thì anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị K thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo của ngày trả nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị K cùng chịu 1.275.000 (Một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 650.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002340 ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hồng T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị K được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7,

Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

